

Số: 63/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ hình thành
và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 145/2025/QH15;*

*Xét Tờ trình số 1272/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về cơ chế, chính sách ưu
đãi, hỗ trợ hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế trên
địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 155/BC-BĐT ngày 20 tháng
9 năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết kèm theo Quy định về
cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu
đạt chuẩn quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về cơ chế, chính sách
ưu đãi, hỗ trợ hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế trên
địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân
Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt
chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên
tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.
2. Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định tiêu chí, đối tượng, điều kiện được hưởng ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cá nhân đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi, chính sách ưu đãi khác và thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được ban hành cho đến hết thời hạn hoặc hoàn thành nội dung được phê duyệt.
2. Tổ chức đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế theo khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện Kế hoạch đã được phê duyệt; kết quả thực hiện Kế hoạch và các thông tin, tài liệu đã có trong quá trình quản lý được sử dụng làm căn cứ xem xét công nhận theo Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này mà không phải lập lại Kế hoạch. Việc công nhận được thực hiện trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này.
3. Hồ sơ đề nghị hưởng cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND đã hoàn thành việc đánh giá, thẩm định theo quy định của Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND nhưng chưa có quyết định phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được xem xét, quyết định theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND.
4. Hồ sơ đề nghị hưởng cơ chế, chính sách theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành việc đánh giá, thẩm định thì thực hiện theo Nghị quyết này. Kết quả của các bước đã thực hiện hợp pháp theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND được sử dụng trong quá trình xử lý hồ sơ theo Nghị quyết này; không yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện lại các nội dung đã hoàn thành và còn giá trị sử dụng.
5. Cá nhân tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách theo khoản 1 Điều này được áp dụng các chính sách tại Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này khi đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn tương ứng và các quy định có liên quan của

Nghị quyết này. Việc áp dụng các chính sách này không làm thay đổi mức, thời hạn hoặc các quyền lợi đã được xác lập theo quyết định đã ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, kỳ họp thứ năm, thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành pháp luật
 - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, SKHCN, (BĐT - Yên, Tú).

CHỦ TỊCH



Võ Văn Minh

QUY ĐỊNH
Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ hình thành
và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết nội dung được giao tại điểm c khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 như sau:

1. Việc hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế trên địa bàn Thành phố, gồm: tiêu chí, điều kiện, nguyên tắc và cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ; việc đăng ký, đánh giá, lựa chọn, công nhận; giao, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cơ chế tự chủ, ưu đãi nhân lực, quản lý và thương mại hóa kết quả; quản trị rủi ro và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Ưu đãi thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với nhân lực tham gia hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, ngoài công lập có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập do cơ quan có thẩm quyền của Thành phố thành lập bao gồm:

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Trưởng, phó các phòng, ban, khoa, bộ môn, phòng thí nghiệm, đơn vị thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Cá nhân, nhóm cá nhân tham gia thực hiện Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc Chương trình nhằm hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế theo Quy định này.

4. Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan quản lý nhiệm vụ; Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Quy định này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế là tổ chức khoa học và công nghệ có năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, hợp tác quốc tế, quản trị nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng tiêu chí tại Quy định này.

2. Tổ chức chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Quy định này, có Kế hoạch được Hội đồng đánh giá đáp ứng yêu cầu và được giao chủ trì thực hiện Chương trình theo Quy định này.

3. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mục tiêu (sau đây gọi tắt là Chương trình) là tập hợp các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ) có mục tiêu chung, được thực hiện trong thời hạn từ 03 năm đến 05 năm để hình thành, phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế cho các tổ chức khoa học và công nghệ. Chương trình được tổ chức dưới dạng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt của Thành phố.

4. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc Chương trình quy định tại khoản 3 Điều này là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

5. Chủ nhiệm Chương trình là cá nhân được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Chương trình; thực hiện vai trò lãnh đạo về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, định hướng chuyên môn, điều phối nguồn lực và bảo đảm sự liên kết, đồng bộ giữa các nhiệm vụ thuộc Chương trình; chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả và việc thực hiện mục tiêu của Chương trình nhằm hình thành, phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

6. Kế hoạch hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) là tài liệu do tổ chức chủ trì xây dựng, xác định mục tiêu, lộ trình, nguồn lực, sản phẩm đầu ra, mô hình quản trị, phương án hợp tác, phương án khai thác kết quả nghiên cứu và tiêu chí đánh giá trong từng giai đoạn để đạt được mục tiêu hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

7. Nhân sự chính thức của tổ chức khoa học và công nghệ là người được xác định trong cơ cấu nhân sự của Trung tâm để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm theo quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, quyết định cử, điều động, biệt phái, phân công hoặc văn bản có giá trị tương đương, với thời gian làm việc tại Trung tâm được xác định từ 12 tháng trở lên. Nhân sự chính thức bao gồm nhà khoa học, chuyên gia, nhân sự nghiên cứu, kỹ thuật, quản lý và nhân sự khác đáp ứng điều kiện nêu trên. Cá nhân chỉ tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo

hợp đồng giao nhiệm vụ, đặt hàng, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp mà không thuộc một trong các trường hợp nêu trên thì không được xác định là nhân sự chính thức của tổ chức khoa học và công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, cạnh tranh, đúng thẩm quyền, đúng mục tiêu và phù hợp định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố.

2. Gắn việc thực hiện Chương trình, nhiệm vụ với mục tiêu hình thành, phát triển, duy trì và nâng cao năng lực của Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

3. Quản lý Chương trình, nhiệm vụ theo kết quả đầu ra, tác động thực tiễn, hiệu quả sử dụng ngân sách Thành phố và năng lực phát triển bền vững của tổ chức khoa học và công nghệ.

4. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và dự báo xu hướng phát triển; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; lấy con người làm trung tâm, tôn trọng quyền con người.

5. Bảo đảm quyền tự do nghiên cứu và sáng tạo; đề cao, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, tính trung thực, khách quan và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá, kiểm toán độc lập.

7. Ưu tiên nhiệm vụ có khả năng tạo ra sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có giá trị cao, công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, tài sản trí tuệ, sản phẩm thương mại hóa, giải pháp phục vụ quản trị đô thị và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

8. Khuyến khích hợp tác giữa tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu trong nước và nước ngoài.

9. Bảo đảm liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp, phòng ngừa xung đột lợi ích, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tiêu cực trong quá trình đề xuất, phê duyệt, quản lý, thực hiện, đánh giá, nghiệm thu, khai thác và thương mại hóa kết quả chương trình, nhiệm vụ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Điều 5. Điều kiện xác định tổ chức khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi khi đăng ký tham gia hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu

đạt chuẩn quốc tế

1. Là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này.
2. Có tư cách pháp nhân, chức năng và lĩnh vực hoạt động phù hợp với Kế hoạch, Chương trình đề xuất.
3. Có đề xuất Chương trình thực hiện Kế hoạch, trong đó xác định rõ mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, sản phẩm dự kiến, các nguồn lực thực hiện và thuộc một trong các lĩnh vực sau:
 - a) Công nghệ trí tuệ nhân tạo; công nghệ Internet kết nối vạn vật; công nghệ dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu lớn; công nghệ chuỗi khối; công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp, điện tử linh hoạt; Robotics, công nghệ tự động hóa; công nghệ in 3D tiên tiến;
 - b) Công nghệ sinh học; công nghệ lai tạo, sản xuất giống trong nông nghiệp; công nghệ thể hệ mới trong xử lý, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp; công nghệ tế bào gốc; công nghệ vi sinh thể hệ mới; công nghệ dược; công nghệ sản xuất thiết bị, vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế; Công nghệ dược phẩm, vật liệu y sinh, bộ phận giả, thiết bị y tế kỹ thuật cao;
 - c) Vật liệu nano; vật liệu cho chế tạo linh kiện vi cơ điện tử và cảm biến thông minh; vật liệu bán dẫn, quang điện tử và quang tử; vật liệu in 3D tiên tiến; vật liệu y sinh học;
 - d) Công nghệ môi trường, công nghệ giảm phát thải các-bon, công nghệ năng lượng sạch, công nghệ cho kinh tế biển, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp, kinh tế bạc;
 - đ) Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phục vụ phát triển Thành phố;
 - e) Các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nền tảng khác nằm trong danh mục do Trung ương ban hành và được Ủy ban nhân dân Thành phố lựa chọn, công bố ưu tiên áp dụng phù hợp với định hướng phát triển từng thời kỳ.
4. Có năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.
5. Có nguồn nhân lực, bao gồm số lượng, cơ cấu, trình độ và kinh nghiệm của nhân sự; nhóm nghiên cứu; nhà khoa học, chuyên gia; khả năng thu hút, phát triển nhân lực chất lượng cao. Ưu tiên tổ chức có nhà khoa học đầu ngành, nhóm nghiên cứu mạnh, chuyên gia có kinh nghiệm quốc tế, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài có chuyên môn hoặc kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực đăng ký tham gia. Nhân sự chính thức của tổ chức khoa học và công nghệ tham gia Chương trình phải chiếm ít nhất 50% tổng số nhân sự tham gia thực hiện Chương trình và được duy trì trong suốt thời gian triển khai Kế hoạch, Chương trình. Trường hợp Chương trình có tính liên ngành, liên tổ chức hoặc cần huy động chuyên gia, nhà khoa học trong nước, quốc tế có trình độ cao mà không thể đáp ứng tỷ lệ này, Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây

gọi tắt là Hội đồng) xem xét, kiến nghị tỷ lệ phù hợp trong Kế hoạch, Chương trình nhưng tổ chức chủ trì phải bảo đảm đội ngũ nhân sự nòng cốt đủ năng lực quản trị, điều phối và chịu trách nhiệm chính đối với Chương trình.

6. Có nguồn lực về cơ sở vật chất và hạ tầng, bao gồm phòng thí nghiệm, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, dữ liệu và các điều kiện cần thiết khác phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo.

7. Có năng lực và mức độ hợp tác, liên kết với cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và các đối tác trong nước, quốc tế.

8. Có năng lực quản trị, bao gồm mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, kiểm soát rủi ro, phòng ngừa xung đột lợi ích, bảo đảm liêm chính khoa học và khả năng duy trì hoạt động bền vững.

9. Có Kế hoạch hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

10. Có cam kết thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu của Kế hoạch và mục tiêu, sản phẩm, kết quả đầu ra của Chương trình được phê duyệt.

11. Không trong thời gian bị đình chỉ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc không được tham gia xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ sử dụng ngân sách Thành phố theo quy định của pháp luật hoặc chưa hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả kinh phí theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Nội dung đánh giá, lựa chọn tổ chức khoa học và công nghệ

Thành phố ưu tiên nguồn lực hình thành, phát triển một số tổ chức có vai trò, nhiệm vụ dẫn dắt trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc lựa chọn tổ chức khoa học và công nghệ tham gia hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế được thực hiện trên cơ sở các nội dung sau:

1. Sự phù hợp của lĩnh vực đăng ký, mục tiêu và định hướng hình thành, phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội và các ngành, lĩnh vực ưu tiên của Thành phố.

2. Năng lực, nguồn lực thực hiện theo khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 5 Quy định này.

3. Kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm công bố khoa học; kết quả nghiên cứu; sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ; thương mại hóa, triển khai ứng dụng và các kết quả có liên quan phù hợp với lĩnh vực đăng ký.

4. Tính khả thi của Kế hoạch, bao gồm mục tiêu, lộ trình, các mốc phát triển, khả năng đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 8 và sự phù hợp giữa mục tiêu với nguồn lực dự kiến.

5. Hiệu quả và tác động dự kiến về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế, xã hội, môi trường, quản trị đô thị, phát triển nguồn nhân lực hoặc các tác

động khác phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

6. Khả năng bố trí và huy động nguồn lực để thực hiện Kế hoạch và Chương trình, bao gồm nguồn lực của tổ chức, nguồn lực xã hội và các nguồn lực hợp pháp khác.

7. Mức độ tham gia thực chất của chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài, được xác định thông qua số lượng, vai trò, nội dung công việc, thời gian hoặc tỷ lệ thời gian tham gia, kết quả dự kiến và cam kết tham gia trong Kế hoạch.

Điều 7. Nội dung Kế hoạch hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế trong hồ sơ Chương trình

1. Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng Chương trình thực hiện theo quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đối với Chương trình thực hiện Kế hoạch hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế, nội dung Kế hoạch quy định tại khoản 2 Điều này được thể hiện trong Thuyết minh Chương trình.

2. Kế hoạch là nội dung chuyên môn tổng thể định hướng việc hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế, bao gồm các nội dung chủ yếu: sự cần thiết; hiện trạng, năng lực của tổ chức; mục tiêu, định hướng và mô hình phát triển Trung tâm; lộ trình thực hiện; các tiêu chí, chỉ tiêu dự kiến đạt được theo Điều 8 Quy định này; phương án phát triển nhân lực; cơ sở vật chất, hạ tầng; hợp tác trong nước và quốc tế; phương án huy động nguồn lực; cơ chế quản trị; các mốc kết quả chủ yếu; phương án duy trì, phát triển Trung tâm sau khi kết thúc giai đoạn hỗ trợ.

3. Trường hợp Kế hoạch dự kiến được thực hiện thông qua nhiều Chương trình, Kế hoạch xác định định hướng, mục tiêu, phạm vi, mối quan hệ, lộ trình dự kiến và mức độ đóng góp của các Chương trình đối với mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu của Kế hoạch. Các Chương trình có thể được đề xuất, đánh giá, phê duyệt và tổ chức thực hiện tại các thời điểm khác nhau trong thời hạn thực hiện Kế hoạch theo quy định về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Thông tin về năng lực của tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa, hợp tác trong nước và quốc tế, khả năng huy động nguồn lực và các thông tin có liên quan được thể hiện trong Thuyết minh Chương trình và hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng theo quy định về quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Nội dung Kế hoạch quy định tại Điều này được sử dụng để đánh giá chuyên môn trong quá trình xét tài trợ, đặt hàng và quản lý Chương trình; không phải là hồ sơ hoặc đối tượng của một quy trình đăng ký, phê duyệt độc lập.

Điều 8. Tiêu chí cần đạt trong quá trình xây dựng, hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

1. Tổ chức khoa học và công nghệ cần đạt các tiêu chí sau đây để làm cơ

sở đánh giá, xem xét công nhận là Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

a) Công bố trung bình mỗi năm ít nhất 10 bài báo trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu Web of Science (WoS), Scopus; có sự gia tăng chất lượng các bài báo thông qua việc được đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ảnh hưởng và chỉ số trích dẫn cao.

b) Được cấp ít nhất 05 bằng độc quyền sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; hoặc 10 văn bằng bảo hộ giống cây trồng; hoặc 05 văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

c) Có ít nhất 10 hoạt động chuyển giao công nghệ (tư vấn, tập huấn, đào tạo, chuyển giao); hoặc 10 hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoặc có 01 sản phẩm khoa học và công nghệ được công nhận.

d) Có ít nhất 03 hợp đồng hợp tác nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo với các tổ chức nghiên cứu phát triển, doanh nghiệp; ưu tiên đối với các đối tác quốc tế.

đ) Có năng lực phát triển bền vững thông qua hoạt động thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển các nguồn tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật; và duy trì kết quả nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo có chất lượng theo thời gian.

e) Có năng lực lãnh đạo, phương pháp quản trị tổ chức và hoạt động hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển của tổ chức.

g) Đối với nhiệm vụ nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, có sản phẩm được Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiếp nhận, ứng dụng hoặc sử dụng làm căn cứ xây dựng, hoàn thiện chính sách phục vụ phát triển Thành phố.

h) Có sự tham gia của chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong nước và quốc tế, chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài vào hoạt động nghiên cứu, quản trị, đào tạo và phát triển tổ chức; trong đó có ít nhất 03 chuyên gia, nhà khoa học có uy tín, bao gồm ít nhất 01 chuyên gia, nhà khoa học đang làm việc tại tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học hoặc doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển ở nước ngoài. Mức độ tham gia phải được xác định bằng vai trò, nội dung công việc, thời gian hoặc tỷ lệ thời gian tham gia và sản phẩm, kết quả dự kiến trong Kế hoạch.

2. Căn cứ tính chất, lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ, định hướng hoạt động và mục tiêu phát triển của từng tổ chức khoa học và công nghệ, việc xác định các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể để đánh giá kết quả hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế được thực hiện phù hợp với loại hình hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chủ yếu của tổ chức

a) Đối với hoạt động nghiên cứu cơ bản: chú trọng các tiêu chí về công bố khoa học quốc tế có chất lượng, mức độ ảnh hưởng khoa học, phát triển nhóm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.

b) Đối với hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo: chú trọng các tiêu chí về sở hữu trí tuệ, công nghệ, sản phẩm, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu, phát triển với doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế.

c) Đối với hoạt động nghiên cứu phục vụ xây dựng cơ chế, chính sách: chú trọng các tiêu chí về kết quả nghiên cứu, báo cáo tư vấn, giải pháp, mô hình được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, ứng dụng hoặc sử dụng làm căn cứ xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách.

d) Đối với tổ chức có hoạt động nghiên cứu liên ngành hoặc đồng thời thuộc nhiều loại hình quy định tại các điểm a, b và c khoản này, các tiêu chí, chỉ tiêu được xác định theo hướng kết hợp phù hợp với tính chất và mục tiêu của tổ chức.

Việc xác định tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể phải bảo đảm không làm giảm yêu cầu về chất lượng, hiệu quả, tác động và tính chất đạt chuẩn quốc tế của Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế; được Hội đồng xem xét, đề xuất trong quá trình đánh giá Kế hoạch và được cụ thể hóa trong Quyết định phê duyệt Chương trình có liên quan.

Điều 9. Chỉ số nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động nghiên cứu

1. Các chỉ số sau đây được sử dụng để theo dõi mức tăng trưởng năng lực, hiệu quả và tác động của tổ chức so với giai đoạn trước khi tham gia; mức cụ thể được xác định phù hợp với lĩnh vực, quy mô và điểm xuất phát của từng tổ chức trong Kế hoạch đã được đánh giá và Chương trình được phê duyệt

a) Số bài báo quốc tế tăng ít nhất 03 lần so với giai đoạn trước khi tham gia.

b) Số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khác tăng ít nhất 02 lần so với giai đoạn trước khi tham gia.

c) Số lượt chuyển giao công nghệ tăng ít nhất 05 lần so với giai đoạn trước khi tham gia.

d) Số công trình nghiên cứu khoa học được thương mại hóa kết quả nghiên cứu tăng ít nhất 05 lần so với giai đoạn trước khi tham gia.

đ) Số hợp đồng hợp tác nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo với tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước hoặc nước ngoài tăng ít nhất 02 lần so với giai đoạn trước khi tham gia.

e) Số lượng kết quả nghiên cứu được ứng dụng để xây dựng cơ chế, chính sách phát triển Thành phố tăng ít nhất 02 lần so với giai đoạn trước khi tham gia đối với tổ chức thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chính sách.

2. Các chỉ số tại khoản 1 Điều này là chỉ số đánh giá mức tăng trưởng năng lực của tổ chức, không thay thế các tiêu chí công nhận Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế tại Điều 8 Quy định này.

3. Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổng hợp các chỉ số này để đánh giá hiệu quả, làm cơ sở sơ kết, tổng kết và đề xuất điều chỉnh, bổ sung chính sách khi cần thiết.

Điều 10. Yêu cầu chuyên môn đối với Kế hoạch và Chương trình hình thành, phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

1. Việc xem xét Kế hoạch và các Chương trình thực hiện Kế hoạch được thực hiện trong quy trình xét tài trợ, đặt hàng theo quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Trong quá trình thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan quản lý nhiệm vụ giao Hội đồng xem xét điều kiện, năng lực của tổ chức và nội dung Kế hoạch, gồm: sự cần thiết, mục tiêu, định hướng nghiên cứu, lộ trình thực hiện, nguồn lực, các Chương trình dự kiến, khả năng huy động nguồn lực và khả năng đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu tại Điều 8 Quy định này.

Các tiêu chí tại Điều 8 được sử dụng để xem xét mục tiêu, lộ trình và khả năng hình thành, phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế; không yêu cầu tổ chức đáp ứng đầy đủ tại thời điểm đề xuất Chương trình.

3. Nội dung Kế hoạch được xem xét trước nội dung chuyên môn của Chương trình trong cùng quy trình xét tài trợ, đặt hàng. Kết quả xem xét Kế hoạch được thể hiện trong ý kiến tư vấn của Hội đồng làm căn cứ xem xét Chương trình.

4. Trường hợp Kế hoạch có nhiều Chương trình, căn cứ lĩnh vực, chuyên ngành và yêu cầu chuyên môn của từng Chương trình, Cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định thành lập một hoặc nhiều Hội đồng để đánh giá các Chương trình. Hội đồng đánh giá Chương trình xem xét mục tiêu, nội dung, sản phẩm, kết quả đầu ra, tiến độ, nguồn lực, kinh phí và mức độ đóng góp của Chương trình đối với việc thực hiện mục tiêu, lộ trình, tiêu chí, chỉ tiêu của Kế hoạch.

5. Khi xem xét Chương trình, các nội dung về điều kiện, năng lực của tổ chức và Kế hoạch đã được đánh giá theo khoản 2 Điều này không đánh giá lại, trừ trường hợp có thông tin mới hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến kết quả đánh giá Kế hoạch hoặc khả năng thực hiện Chương trình.

6. Việc thành lập, tổ chức hoạt động của Hội đồng, đánh giá chuyên môn, thẩm định kinh phí, phê duyệt, ký hợp đồng và quản lý thực hiện Chương trình thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Công nhận Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ chủ động rà soát mức độ đáp ứng các tiêu chí tại Điều 8 Quy định này khi kết thúc thời gian thực hiện Kế hoạch hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp kết quả theo dõi cho thấy tổ chức đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trước khi kết thúc Kế hoạch, việc xem xét công nhận được thực hiện trước thời hạn.

2. Việc xem xét công nhận căn cứ các tiêu chí tại Điều 8 Quy định này và các chỉ tiêu cụ thể hóa tiêu chí công nhận được xác định trong Kế hoạch, Chương trình. Cơ quan quản lý nhiệm vụ sử dụng kết quả thực hiện Chương trình, kết quả đánh giá định kỳ, đánh giá cuối kỳ và thông tin, tài liệu đã có trong quá trình quản lý; không yêu cầu tổ chức lập hồ sơ đề nghị công nhận riêng hoặc cung cấp lại thông tin, tài liệu đã có và còn giá trị sử dụng. Các chỉ số tại Điều 9 Quy định này

được sử dụng để theo dõi mức nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của tổ chức, không phải là điều kiện bổ sung hoặc thay thế tiêu chí công nhận.

3. Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức đánh giá thông qua Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định. Căn cứ tính chất, lĩnh vực và yêu cầu chuyên môn, Cơ quan quản lý nhiệm vụ được mời chuyên gia trong nước, chuyên gia quốc tế, tổ chức đánh giá độc lập hoặc tổ chức có năng lực chuyên môn phù hợp tham gia tư vấn, đánh giá. Hội đồng xác định mức độ đáp ứng từng tiêu chí và kiến nghị việc công nhận tổ chức đạt tiêu chí Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

4. Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng tại khoản 3 Điều này, Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định công nhận tổ chức khoa học và công nghệ đạt tiêu chí Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế. Việc chưa được công nhận không mặc nhiên làm phát sinh nghĩa vụ thu hồi kinh phí đã được sử dụng hợp pháp để thực hiện Kế hoạch, Chương trình.

5. Tổ chức khoa học và công nghệ được công nhận có trách nhiệm duy trì, tiếp tục nâng cao các tiêu chí đã được công nhận; thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định; thông báo kịp thời khi có thay đổi ảnh hưởng đáng kể đến việc đáp ứng tiêu chí và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu, dữ liệu có liên quan.

6. Cơ quan quản lý nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi việc duy trì các tiêu chí sau khi công nhận. Trường hợp có căn cứ cho thấy tổ chức không còn đáp ứng các tiêu chí đã đăng ký, việc đánh giá lại và xem xét duy trì, điều chỉnh phạm vi hoặc thu hồi quyết định công nhận được thực hiện theo yêu cầu quản lý.

7. Kết quả đánh giá và quyết định công nhận được công khai theo quy định, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, dữ liệu cá nhân và thông tin khác không được công khai theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ** **ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 12. Cơ chế ưu tiên tiếp cận và áp dụng các chính sách hỗ trợ đối với tổ chức khoa học và công nghệ tham gia hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

1. Tổ chức khoa học và công nghệ có Kế hoạch, Chương trình được phê duyệt, được xem xét áp dụng các cơ chế, chính sách đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ của Thành phố trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch và các Chương trình, phù hợp với đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ và khả năng cân đối nguồn lực theo từng cơ chế, chính sách có liên quan.

2. Nội dung quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số và cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thử nghiệm, hoàn thiện công nghệ, sản phẩm; chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

c) Tạo lập, xác lập, quản lý, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

d) Phát triển nguồn nhân lực, nhóm nghiên cứu; thu hút chuyên gia; hợp tác nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế;

đ) Nâng cao năng lực quản trị, năng lực nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo; tham gia mạng lưới, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, triển lãm và các hoạt động kết nối, hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Các nội dung ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật và các cơ chế, chính sách của Thành phố có liên quan.

3. Việc xem xét áp dụng các quy định tại Điều này không làm phát sinh cơ chế, mức hỗ trợ riêng ngoài các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và không đồng nghĩa với việc tổ chức đương nhiên được hưởng hỗ trợ. Việc hỗ trợ cụ thể được xem xét theo đối tượng, điều kiện, tiêu chí, nội dung, mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục và khả năng cân đối nguồn lực quy định tại cơ chế, chính sách được áp dụng.

4. Trường hợp cùng một nội dung, hoạt động hoặc khoản chi đủ điều kiện được hỗ trợ từ nhiều cơ chế, chính sách của Thành phố thì không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách Thành phố cho cùng một nội dung, hoạt động hoặc khoản chi; tổ chức được lựa chọn áp dụng cơ chế, chính sách có lợi hơn nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện áp dụng, trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ chế, chính sách có liên quan có quy định khác.

5. Cơ quan quản lý nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định cơ chế, chính sách phù hợp để tổ chức khoa học và công nghệ tiếp cận, áp dụng trong quá trình thực hiện Kế hoạch, Chương trình.

Điều 13. Cơ chế giao Chương trình, hỗ trợ kinh phí và tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Chương trình thực hiện Kế hoạch được giao trực tiếp cho tổ chức khoa học và công nghệ đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 và có Kế hoạch được Hội đồng đánh giá đáp ứng yêu cầu theo Điều 10 Quy định này.

2. Ngân sách Thành phố hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện Chương trình theo Quy định này.

3. Tổ chức chủ trì được quyết định giao nhiệm vụ cho cá nhân, nhóm cá nhân thuộc tổ chức tham gia làm chủ nhiệm và các chức danh khác để thực hiện các nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu thuộc Chương trình.

4. Tổ chức chủ trì được quyết định giao trực tiếp hoặc tuyển chọn cá nhân, tổ chức khác có năng lực, chuyên môn phù hợp cùng tham gia thực hiện các nhiệm vụ, nội dung thuộc Chương trình; ký hợp đồng và tổ chức quản lý việc thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy định này. Việc huy động cá nhân, tổ chức khác phải phù hợp với Kế hoạch đã được Hội đồng đánh giá, Chương trình được phê duyệt và tỷ lệ nhân sự quy định tại khoản 5 Điều 5 Quy định này. Trong mọi trường hợp, tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm chính về quản trị, điều phối, chất lượng, tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình.

5. Kinh phí chi quản lý chung Chương trình được tính trên cơ sở kinh phí quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định và là nguồn thu của tổ chức chủ trì để phục vụ quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

6. Tổ chức chủ trì có kết quả thực hiện Chương trình đạt yêu cầu theo mục tiêu, sản phẩm, chỉ tiêu và kết quả đầu ra được phê duyệt được xem xét tiếp tục giao trực tiếp Chương trình cho giai đoạn tiếp theo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Quy định này. Việc đánh giá Chương trình cho giai đoạn tiếp theo sử dụng kết quả đánh giá Kế hoạch và năng lực của tổ chức đã có, trừ trường hợp có thông tin mới hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến kết quả đánh giá trước đó.

7. Mỗi Chương trình có 01 chủ nhiệm Chương trình; mỗi nhiệm vụ thuộc Chương trình có 01 chủ nhiệm nhiệm vụ theo một trong các hình thức giao nhiệm vụ, giao trực tiếp hoặc tuyển chọn do tổ chức chủ trì quyết định trong khuôn khổ cơ chế, chính sách tại Quy định này và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 14. Tự chủ sử dụng kinh phí Chương trình, nhiệm vụ để hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

Tổ chức khoa học và công nghệ được giao chủ trì thực hiện Chương trình, nhiệm vụ để hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế được tự chủ sử dụng kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ như sau:

1. Được quản lý kinh phí theo hướng tăng cường tự chủ, gắn việc sử dụng và quyết toán kinh phí với kết quả, sản phẩm đầu ra.

2. Được chủ động sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán được phê duyệt, hợp đồng đã ký và quy định của pháp luật; gắn với trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện và hiệu quả sử dụng kinh phí.

3. Được quyết định điều chỉnh giữa các nhóm nội dung chỉ nếu không làm thay đổi tổng kinh phí, mục tiêu, sản phẩm chủ yếu và bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ; trường hợp vượt phạm vi tự chủ phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Được chủ động quyết định nhu cầu, yêu cầu kỹ thuật, số lượng, chất lượng và thời điểm lựa chọn, mua sắm nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, sinh phẩm, mẫu chuẩn, vật tư tiêu hao, linh kiện, thiết bị nghiên cứu, phần mềm, cơ sở dữ liệu, quyền truy cập dữ liệu và các hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ triển khai Chương trình trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

5. Thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình, nhiệm vụ từng giai đoạn thực hiện Chương trình theo Hợp đồng. Tổ chức chủ trì được chủ động lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn, sử dụng kinh phí thuê kiểm toán. Chi phí thuê tổ chức kiểm toán độc lập là nội dung chi của Chương trình và được bố trí trong kinh phí thực hiện Chương trình được Cơ quan quản lý nhiệm vụ phê duyệt.

6. Được áp dụng cơ chế không thẩm tra lại hồ sơ, chứng từ chi tiết tại cơ quan quản lý nhiệm vụ đối với các khoản kinh phí đã được tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán và xác nhận, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gian lận, thất thoát, lãng phí hoặc có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

7. Có trách nhiệm hoàn trả, điều chỉnh hoặc giải trình theo yêu cầu của Cơ quan quản lý nhiệm vụ nếu báo cáo kiểm toán xác định có khoản chi không đúng quy định.

Chương IV

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NHÂN LỰC THAM GIA HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Điều 15. Điều kiện hưởng ưu đãi thu nhập đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ

Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu nêu tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quy định này được hưởng ưu đãi thu nhập phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Cá nhân thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được đánh giá, lựa chọn theo Điều 6 Quy định này.

2. Có đủ sức khỏe và khả năng thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao theo vị trí công tác và chức danh tham gia nhiệm vụ.

3. Tham gia quản lý, điều hành, triển khai nội dung liên quan đến Kế hoạch và Chương trình để hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang thi hành án hình sự; không vi phạm các quy định về các hành vi bị cấm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Có trình độ tiến sĩ trở lên và có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm phù hợp lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này hoặc lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến hoạt động hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế của tổ chức khoa học và công nghệ.

6. Về năng lực nghiên cứu, phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 01 (một) nhiệm vụ cấp quốc gia hoặc 02 (hai) nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của các công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở

dữ liệu WoS, Scopus.

c) Có các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp văn bằng bảo hộ về sở hữu trí tuệ.

d) Có kinh nghiệm trong triển khai nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

Điều 16. Điều kiện hưởng ưu đãi thu nhập đối với trưởng, phó phòng, ban, khoa, bộ môn, phòng thí nghiệm và đơn vị thuộc tổ chức khoa học và công nghệ

Các cá nhân có chức danh là trưởng và phó theo điểm b khoản 2 Điều 2 Quy định này được hưởng ưu đãi thu nhập phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Quy định này.

2. Có trình độ đại học trở lên và có ít nhất 03 (ba) năm kinh nghiệm trở lên phù hợp lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này hoặc lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến hoạt động hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế của tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Về năng lực nghiên cứu, phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 01 (một) nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của các công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Có các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ.

d) Có kinh nghiệm trong triển khai nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ hoặc thương mại hóa kết quả, sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 17. Tiêu chí xác định mức ưu đãi thu nhập đối với cá nhân tham gia thực hiện Chương trình

1. Tiêu chí hưởng ưu đãi thu nhập đối với chức danh lãnh đạo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 và đáp ứng các điều kiện tại Điều 15 Quy định này được xác định theo 04 mức quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này.

2. Mức 1: Có từ 05 đến dưới 08 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ cấp quốc gia hoặc 02 nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 02 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 01 giải pháp hữu ích.

d) Có kinh nghiệm triển khai 01 nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

3. Mức 2: Có từ 08 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ cấp quốc gia hoặc 04 nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 04 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 01 sáng chế.

d) Là tác giả của ít nhất 02 giải pháp hữu ích.

đ) Là tác giả của ít nhất 01 văn bằng bảo hộ về giống cây trồng hoặc là tác giả của ít nhất 01 văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

e) Có kinh nghiệm triển khai 02 nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

4. Mức 3: Có từ 10 đến dưới 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ cấp quốc gia hoặc 06 nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 06 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 02 sáng chế; tác giả của ít nhất 04 giải pháp hữu ích.

d) Là tác giả của ít nhất 02 văn bằng bảo hộ về giống cây trồng.

đ) Là tác giả của ít nhất 02 văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

e) Triển khai 03 nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

5. Mức 4: Có từ 12 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 04 nhiệm vụ cấp quốc gia hoặc 08 nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 08 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 03 sáng chế.

d) Là tác giả của ít nhất 06 giải pháp hữu ích.

đ) Là tác giả của ít nhất 03 văn bằng bảo hộ về giống cây trồng.

e) Là tác giả của ít nhất 03 văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

g) Triển khai 04 nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

6. Tiêu chí hưởng ưu đãi thu nhập đối với chức danh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 và đáp ứng các điều kiện tại Điều 16 Quy định này được xác định theo 04 mức quy định tại các khoản 7, 8, 9 và 10 Điều này.

7. Mức 1: Có từ 03 đến dưới 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 01 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 01 giải pháp hữu ích.

8. Mức 2: Có từ 05 đến dưới 08 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 02 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 01 sáng chế.

d) Là tác giả của ít nhất 02 giải pháp hữu ích.

đ) Là tác giả của ít nhất 01 văn bằng bảo hộ về giống cây trồng.

e) Là tác giả của ít nhất 01 văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

g) Triển khai ít nhất 01 nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

9. Mức 3: Có từ 08 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 02 nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 03 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 02 sáng chế.

d) Là tác giả của ít nhất 04 giải pháp hữu ích.

d) Là tác giả của ít nhất 02 văn bằng bảo hộ về giống cây trồng.

e) Là tác giả của ít nhất 02 văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

g) Triển khai ít nhất 02 nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

10. Mức 4: Có từ 10 năm kinh nghiệm trở lên trong lĩnh vực tại khoản 3 Điều 5 Quy định này và năng lực nghiên cứu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Chủ trì ít nhất 01 nhiệm vụ cấp quốc gia hoặc 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp tỉnh đã được nghiệm thu từ mức đạt trở lên.

b) Là tác giả chính của 04 công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong cơ sở dữ liệu WoS, Scopus.

c) Là tác giả của ít nhất 03 sáng chế.

d) Là tác giả của ít nhất 05 giải pháp hữu ích.

đ) Là tác giả của ít nhất 03 văn bằng bảo hộ về giống cây trồng.

e) Là tác giả của ít nhất 03 văn bằng bảo hộ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.

g) Triển khai ít nhất 03 nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả, sản phẩm nghiên cứu.

11. Trường hợp các chức danh lãnh đạo nêu tại khoản 2 Điều 2 Quy định này có năng lực nghiên cứu cao hơn quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này thì được hưởng ưu đãi thu nhập mức tương ứng mà không phụ thuộc số năm kinh nghiệm.

Điều 18. Mức ưu đãi thu nhập đối với người giữ chức danh lãnh đạo trong tổ chức khoa học và công nghệ

1. Đối với người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Mức 1 là 60.000.000 đồng/tháng.

b) Mức 2 là 80.000.000 đồng/tháng.

c) Mức 3 là 100.000.000 đồng/tháng.

d) Mức 4 là 120.000.000 đồng/tháng.

2. Đối với cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Mức 1 là 50.000.000 đồng/tháng.

b) Mức 2 là 65.000.000 đồng/tháng.

c) Mức 3 là 85.000.000 đồng/tháng.

d) Mức 4 là 100.000.000 đồng/tháng.

3. Đối với trưởng các phòng, ban, khoa, bộ môn, phòng thí nghiệm, đơn vị thuộc tổ chức khoa học và công nghệ:

a) Mức 1 là 40.000.000 đồng/tháng.

- b) Mức 2 là 50.000.000 đồng/tháng.
- c) Mức 3 là 65.000.000 đồng/tháng.
- d) Mức 4 là 80.000.000 đồng/tháng.

4. Đối với phó các phòng, ban, khoa, bộ môn, phòng thí nghiệm, đơn vị thuộc tổ chức khoa học và công nghệ:

- a) Mức 1 là 30.000.000 đồng/tháng.
- b) Mức 2 là 40.000.000 đồng/tháng.
- c) Mức 3 là 50.000.000 đồng/tháng.
- d) Mức 4 là 60.000.000 đồng/tháng.

5. Mức ưu đãi thu nhập quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này được xác định trên cơ sở chức danh, điều kiện, tiêu chí quy định tại Điều 15, Điều 16 và Điều 17 Quy định này và được xem xét theo Điều 20 Quy định này. Mức ưu đãi thu nhập được hưởng kể từ khi tổ chức khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện Chương trình. Trong thời gian thực hiện Chương trình, mức ưu đãi thu nhập được xem xét điều chỉnh khi có thay đổi về chức danh, vị trí, năng lực, thành tích hoặc mức độ đáp ứng tiêu chí; việc điều chỉnh được thực hiện gắn với hoạt động quản lý nhân sự và quản lý Chương trình theo Quy định này.

6. Mức ưu đãi thu nhập quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này là khoản ưu đãi bổ sung, được chi ngoài tiền lương, tiền công, phụ cấp và các chế độ khác mà cá nhân được hưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chế độ phúc lợi và chính sách ưu đãi khác đối với các chức danh lãnh đạo tham gia hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

1. Được thưởng 02 (hai) tháng mức ưu đãi thu nhập tương ứng được hưởng tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Quy định này khi được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cuối năm; 01 (một) tháng mức ưu đãi thu nhập tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 18 Quy định này khi được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ cuối năm.

2. Trường hợp cá nhân đồng thời thuộc đối tượng hưởng ưu đãi thu nhập tại Điều 18 Quy định này và ưu đãi thù lao thực hiện Chương trình, nhiệm vụ tại Điều 22 Quy định này thì tổ chức chủ trì xác định 01 (một) trong 02 (hai) phương án hưởng ưu đãi đối với cá nhân và thể hiện trong Thuyết minh, dự toán kinh phí Chương trình:

a) Hưởng ưu đãi thu nhập theo Điều 18 Quy định này và thù lao thực hiện nhiệm vụ bằng 50% mức thù lao tương ứng với chức danh, khối lượng công việc và số tháng lao động quy đổi được phê duyệt theo Điều 22 Quy định này;

b) Không hưởng ưu đãi thu nhập theo Điều 18 Quy định này; chỉ nhận thù lao thực hiện nhiệm vụ tương ứng với chức danh, khối lượng công việc và số tháng lao động quy đổi được phê duyệt theo Điều 22 Quy định này.

3. Được xem xét khen thưởng, đãi ngộ và hỗ trợ tương xứng với thành tích, đóng góp và kết quả đạt được trong quá trình hình thành, phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế, bao gồm:

a) Được xem xét khen thưởng đối với thành tích xuất sắc, kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có giá trị, tác động lớn hoặc đóng góp quan trọng cho việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và kết quả đầu ra của Chương trình theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về thi đua, khen thưởng;

b) Thành tích, kết quả nổi trội trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, phát triển sản phẩm, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu được sử dụng làm căn cứ xem xét điều chỉnh mức ưu đãi theo Điều 17, Điều 18 Quy định này;

c) Được ưu tiên xem xét giao chủ trì nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu hoặc nội dung nghiên cứu thuộc Chương trình và bố trí các điều kiện cần thiết để tiếp tục phát triển kết quả nghiên cứu, công nghệ, sản phẩm có tiềm năng;

d) Được xem xét hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế; tham dự hội nghị, hội thảo khoa học; công bố kết quả nghiên cứu; xác lập, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ theo Chương trình được phê duyệt và quy định của pháp luật.

Điều 20. Xác định cá nhân và mức ưu đãi thu nhập

1. Cá nhân hưởng ưu đãi thu nhập phải đáp ứng điều kiện tại Điều 15 hoặc Điều 16 tương ứng với chức danh và tiêu chí tại Điều 17 Quy định này và tham gia quản lý, điều hành hoặc thực hiện Kế hoạch, Chương trình.

2. Tổ chức chủ trì xác định nhân sự dự kiến hưởng ưu đãi, chức danh, vị trí, vai trò, nhiệm vụ, thời gian tham gia và mức ưu đãi tương ứng trong phương án nhân sự và dự toán kinh phí của Chương trình.

3. Việc đánh giá nhân sự và mức ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá Chương trình. Hội đồng xem xét việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí; năng lực, kinh nghiệm, thành tích; sự phù hợp của chức danh, vị trí, vai trò, nhiệm vụ và mức độ tham gia của cá nhân với mục tiêu, nội dung, sản phẩm, kết quả đầu ra của Chương trình; kiến nghị mức ưu đãi tương ứng theo Điều 18 Quy định này.

4. Kết quả đánh giá nhân sự và mức ưu đãi được tổng hợp cùng kết quả đánh giá Chương trình để trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Trong quá trình thực hiện Chương trình, việc thay đổi cá nhân, chức danh, vị trí hoặc mức ưu đãi được xem xét trên cơ sở kết quả thực hiện, sự thay đổi về điều kiện, tiêu chí và yêu cầu của Chương trình; việc quyết định thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

6. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm theo dõi việc đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi của cá nhân; kịp thời báo cáo trường hợp cá nhân không còn đáp ứng điều kiện hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến mức ưu đãi để cơ quan có thẩm quyền xem

xét, xử lý theo quy định.

Chương V

ƯU ĐÃI THÙ LAO ĐỐI VỚI CÁ NHÂN, NHÓM CÁ NHÂN THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ ĐỂ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ

Điều 21. Điều kiện hưởng ưu đãi thù lao thực hiện Chương trình, nhiệm vụ để hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

1. Cá nhân, nhóm cá nhân được hưởng ưu đãi thù lao khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

- a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này;
- b) Được tổ chức chủ trì giao, tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc ký hợp đồng tham gia thực hiện Chương trình, nhiệm vụ hoặc nội dung thuộc Chương trình nhằm hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế theo Quy định này;
- c) Có vai trò, nhiệm vụ, nội dung công việc, khối lượng công việc, thời gian tham gia và kết quả hoặc sản phẩm dự kiến được xác định trong Thuyết minh Chương trình, nhiệm vụ, hợp đồng, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản có giá trị tương đương được Cơ quan quản lý nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì phê duyệt theo thẩm quyền nêu tại Quy định này.

2. Các chức danh hoặc nhóm chức danh được hưởng ưu đãi thù lao gồm: Chủ nhiệm Chương trình; chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên; nhân viên hỗ trợ trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình, nhiệm vụ được xác định trong Thuyết minh Chương trình, nhiệm vụ hoặc văn bản được Cơ quan quản lý nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì phê duyệt theo thẩm quyền nêu tại Quy định này.

Điều 22. Mức ưu đãi thù lao thực hiện Chương trình, nhiệm vụ để hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

Mức ưu đãi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh quy định tại Điều 21 Quy định này được tính theo số tháng quy đổi, cụ thể như sau:

- 1. Định mức trần thù lao theo tháng đối với các chức danh:
 - a) Chủ nhiệm Chương trình: 150.000.000 đồng/người/tháng.
 - b) Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Chương trình: 105.000.000 đồng/người/tháng.
 - c) Thành viên chính: 84.000.000 đồng/người/tháng.
 - d) Thành viên: 63.000.000 đồng/người/tháng.
 - đ) Thư ký khoa học: 63.000.000 đồng/người/tháng.

e) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ: 21.000.000 đồng/người/tháng.

2. Cách tính thù lao theo chức danh và mức độ tham gia

a) Dự toán chi thù lao theo chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{CD} = DM_{CD} \times \sum t_{CD}$$

Trong đó:

TL_{CD} : Tổng thù lao theo chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

DM_{CD} : Định mức thù lao theo chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

$\sum t_{CD}$: Tổng số tháng được quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của chức danh.

b) Dự toán chi thù lao theo chức danh cho số ngày được quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{CD} = DM_{CD} \times (\sum tn/26)$$

Trong đó:

TL_{CD} : Tổng thù lao theo chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

DM_{CD} : Định mức thù lao theo chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

$\sum tn$: Tổng số ngày được quy đổi không đủ tháng mà chức danh tham gia thực hiện Chương trình, nhiệm vụ thuộc Chương trình ($tn < 26$).

3. Các nội dung khác liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Thành phố thực hiện Chương trình, nhiệm vụ thuộc Chương trình không quy định cụ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định về chi cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương VI

ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 23. Nội dung đánh giá Chương trình thực hiện Kế hoạch hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế

1. Việc xét tài trợ, đặt hàng, đánh giá, thẩm định kinh phí, phê duyệt, ký hợp đồng và quản lý thực hiện Chương trình được thực hiện theo quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Trên cơ sở kết quả đánh giá Kế hoạch theo Điều 10 Quy định này, Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiếp tục đánh giá từng Chương trình thuộc Kế hoạch. Ngoài các nội dung đánh giá theo quy định chung, Hội đồng xem xét sự phù hợp của mục tiêu, nội dung, sản phẩm, kết quả đầu ra, tiến độ, nguồn lực của Chương trình với Kế hoạch và mức độ đóng góp của Chương trình đối với mục tiêu, lộ trình,

tiêu chí, chỉ tiêu hình thành và phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

3. Trường hợp Kế hoạch có nhiều Chương trình, từng Chương trình được đánh giá và phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều này. Căn cứ lĩnh vực, chuyên ngành và yêu cầu chuyên môn, Cơ quan quản lý nhiệm vụ quyết định việc sử dụng một hoặc nhiều Hội đồng để đánh giá các Chương trình.

4. Khi đánh giá Chương trình, các nội dung của Kế hoạch đã được đánh giá theo Điều 10 Quy định này không đánh giá lại, trừ trường hợp có thông tin mới hoặc có thay đổi ảnh hưởng đến kết quả đánh giá Kế hoạch hoặc khả năng thực hiện Chương trình.

Điều 24. Quản lý thực hiện Chương trình

1. Việc ký hợp đồng, báo cáo, kiểm tra, giám sát, đánh giá, cấp kinh phí, điều chỉnh, gia hạn, tạm dừng, chấm dứt và đánh giá kết quả Chương trình thực hiện theo quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Việc theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá Chương trình tập trung vào mức độ hoàn thành mục tiêu, sản phẩm, chỉ tiêu, kết quả đầu ra, tiến độ; tình hình sử dụng kinh phí và huy động nguồn lực; mức độ đóng góp vào việc thực hiện Kế hoạch; khả năng đạt các tiêu chí Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế và các rủi ro ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình.

3. Chương trình được đánh giá định kỳ theo chu kỳ được xác định trong quyết định phê duyệt và hợp đồng. Kết quả đánh giá và kết quả kiểm toán theo Điều 14 Quy định này là căn cứ xem xét việc tiếp tục thực hiện và cấp kinh phí; điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt Chương trình theo quy định.

4. Việc chưa đạt một hoặc một số chỉ tiêu, kết quả đầu ra tại kỳ đánh giá không mặc nhiên là căn cứ để tạm dừng hoặc chấm dứt Chương trình. Việc xử lý phải xem xét nguyên nhân, tính chất rủi ro, giá trị của kết quả đã đạt được, khả năng khắc phục và khả năng hoàn thành mục tiêu của Chương trình.

5. Khi kết thúc Chương trình, kết quả đánh giá cuối kỳ là căn cứ để xác định mức độ hoàn thành Chương trình, xử lý hợp đồng và kinh phí, xem xét Chương trình cho giai đoạn tiếp theo và đánh giá mức độ đóng góp vào việc hình thành, phát triển Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

Điều 25. Quản lý, khai thác, sử dụng và thương mại hóa kết quả Chương trình, nhiệm vụ

1. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu đối với kết quả Chương trình, nhiệm vụ được xác định theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ, Quy định này và pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng hoặc quyền sở hữu kết quả được chủ động tổ chức khai thác, sử dụng, tiếp tục nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật khác có

liên quan và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Trong thời gian tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng hoặc quyền sở hữu kết quả: trường hợp có tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu và có khả năng tiếp tục nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hoặc thương mại hóa kết quả, các bên được chủ động thỏa thuận việc chuyển giao, chuyển nhượng, cấp quyền sử dụng, hợp tác khai thác, góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ hoặc hình thức hợp pháp khác phù hợp với giá trị, tiềm năng thương mại và điều kiện thị trường của kết quả.

Việc thỏa thuận quy định tại khoản này không phụ thuộc vào thời hạn 03 năm quy định đối với trường hợp Nhà nước thu hồi hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng kết quả theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao, nhận quyền sử dụng hoặc cùng khai thác kết quả được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, tổ chức chủ trì và các chủ thể có quyền, đồng thời ưu tiên phương án có khả năng đưa kết quả vào ứng dụng, sản xuất, kinh doanh hoặc thương mại hóa trong thời gian sớm nhất.

5. Giá chuyển giao, giá chuyển nhượng, giá cấp quyền sử dụng hoặc giá trị góp vốn được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, căn cứ giá trị công nghệ, tiềm năng thương mại, khả năng tạo doanh thu, mức độ hoàn thiện công nghệ, nhu cầu thị trường, quyền sở hữu trí tuệ và các yếu tố có liên quan.

Trường hợp pháp luật liên quan bắt buộc phải thẩm định giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giá; trường hợp pháp luật không bắt buộc thẩm định giá, các bên được lựa chọn phương pháp xác định giá phù hợp và chịu trách nhiệm về căn cứ, dữ liệu và phương pháp xác định giá.

Điều 26. Kiểm soát xung đột lợi ích, liêm chính khoa học, xử lý vi phạm và chấp nhận rủi ro

1. Thành viên Hội đồng, chuyên gia tư vấn, chuyên gia phản biện và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đánh giá, thẩm định, lựa chọn, kiểm tra, đánh giá kết quả Chương trình, nhiệm vụ phải bảo đảm tính độc lập, khách quan và thực hiện các yêu cầu về kiểm soát xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật. Người có xung đột lợi ích không được tham gia xem xét, đánh giá hoặc quyết định đối với nội dung có xung đột lợi ích.

2. Trường hợp phát hiện xung đột lợi ích có khả năng làm ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực của kết quả đánh giá, cơ quan có thẩm quyền xem xét thay thế thành viên, chuyên gia; tổ chức đánh giá lại hoặc xử lý kết quả đã thực hiện theo tính chất, mức độ ảnh hưởng và quy định của pháp luật.

3. Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm Chương trình, chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình, nhiệm vụ có trách nhiệm tuân thủ quy định về liêm chính khoa học, đạo đức nghiên cứu, sở hữu trí tuệ, bảo mật thông tin, dữ liệu, an toàn nghiên cứu và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Nghiêm cấm việc làm giả, làm sai lệch dữ liệu, kết quả nghiên cứu; đạo văn; xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; kê khai không trung thực về sản phẩm, kết

quả, chi phí, nhân lực hoặc thời gian thực hiện; sử dụng kinh phí sai mục đích; cản trở hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá, kiểm toán và các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi bị yêu cầu khắc phục, xử lý kinh phí, xử lý quyền và lợi ích có liên quan hoặc áp dụng các biện pháp khác theo Quy định này và quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Việc điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt Chương trình thực hiện theo Điều 24 Quy định này.

6. Rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình, nhiệm vụ được nhận diện, đánh giá, quản trị và xử lý theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc kết quả nghiên cứu không đạt giả thuyết khoa học, không tạo ra sản phẩm như dự kiến hoặc chưa đạt một hoặc một số chỉ tiêu do rủi ro khách quan, rủi ro khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không mặc nhiên được xác định là hành vi vi phạm.

7. Tổ chức, cá nhân thực hiện, phê duyệt, quản lý Chương trình, nhiệm vụ và tổ chức, cá nhân triển khai ứng dụng, khai thác, chuyển giao, thương mại hóa kết quả được xem xét áp dụng cơ chế chấp nhận rủi ro, loại trừ hoặc miễn trách nhiệm và xử lý kinh phí theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan.

8. Cơ chế chấp nhận rủi ro không áp dụng đối với hành vi gian lận, cố ý cung cấp thông tin sai sự thật, cố ý vi phạm pháp luật, sử dụng kinh phí sai mục đích, sai phạm vi hoặc hành vi khác không thuộc trường hợp rủi ro được chấp nhận theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách từ nguồn ngân sách Thành phố theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

Điều 28. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện; bảo đảm nguồn lực theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; hằng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này theo chức năng,

nhiệm vụ và thẩm quyền được giao;

b) Tổ chức đánh giá Kế hoạch; thực hiện việc xét tài trợ, đặt hàng, đánh giá, thẩm định kinh phí, phê duyệt, ký hợp đồng và quản lý từng Chương trình theo quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Quy định này và pháp luật có liên quan;

c) Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, Chương trình và việc duy trì các tiêu chí Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế;

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tham mưu bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách theo quy định;

đ) Tổng hợp kết quả, khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện chính sách; phối hợp với Cơ quan quản lý nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả và đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách khi cần thiết.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Cơ quan quản lý nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo khả năng cân đối ngân sách Thành phố và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Tổ chức chủ trì

a) Tổ chức thực hiện Kế hoạch đã được Hội đồng đánh giá và các Chương trình được phê duyệt theo nội dung, tiến độ và hợp đồng đã ký;

b) Thực hiện quyền tự chủ và chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện Chương trình, nhiệm vụ; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản; quản lý, khai thác, sử dụng và thương mại hóa kết quả theo Quy định này và pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu; chịu sự kiểm tra, giám sát, đánh giá theo quy định;

d) Bảo đảm tính chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, kết quả báo cáo; thực hiện các quy định về liêm chính khoa học, xung đột lợi ích và quản trị rủi ro;

đ) Duy trì và phát triển năng lực, nguồn nhân lực và các tiêu chí của Trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế trong và sau thời gian thực hiện Chương trình.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện Quy định này. /.